TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày 04-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Thạch Kim Hạnh**
Ông **Võ Văn Đầy**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Hữu Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:*** Ông **Đỗ Thành Tâm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/HSST-QĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Kiên Thị E, sinh năm 1977 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiên K, sinh năm 1932 (chết) và bà Kim Thị B, sinh năm 1931, ngụ ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chồng: Sơn Chanh T, sinh năm 1979, cư trú ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân tốt. Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà **Trần Thị H** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh số 02 (có mặt)

- *Bị hại*: Bà **Kim Thị Ph**, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người làm chứng: Bà **Kim Thị Th**, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông **Thạch D**. Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 13 tháng 02 năm 2018, bà Kim Thị Ph đi phụ bán hoa vạn thọ tại ấp C, xã P cho chị ruột là bà Kim Thị Th. Trước khi đi, bà Ph có mang theo số tiền 2.923.500 đồng, nhằm tránh bị quên số tiền mang theo là bao nhiêu nên bà Ph dùng viết ghi số tiền lên chân trái và để số tiền này vào một cái bọc nilon màu đen buộc lại cẩn thận. Khi chưa bán được hoa cho khách hàng bà Ph có lấy số tiền trên mua cá lóc hết 45.000 đồng, số tiền còn lại là 2.878.500 đồng.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, bị cáo Kiên Thị E điều khiển xe mô tô biển số 60R3-0629 chở theo hàng hóa từ nhà đến ấp C để bán kiếm lời, khi đến nơi bị cáo bày rau cải ra bán kế bên phải sạp của bà Ph. Trong thời gian không có khách đến mua, bị cáo phụ bà Ph bó hoa vạn thọ cho khách, lúc này bị cáo thấy một cái bọc nilon màu đen ở dưới chỗ bà Ph đang ngồi, thấy vậy bị cáo nghĩ là bên trong bọc nilon có tiền hoặc đồ cá nhân của bà Ph nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó bị cáo lợi dụng lúc bà Ph không để ý đã dùng tay trái đưa ra phía sau lưng của bà Ph lấy cái bọc nilon này, bị cáo đi ra xa cách vị trí đang buôn bán khoảng 20m rồi mở bọc ni lông vừa trộm được thì phát hiện bên trong có một xấp tiền, bị cáo lấy tất cả số tiền trên bỏ vào trong một cái bọc nilon màu xanh của bị cáo đang có sẵn số tiền cá nhân của bị cáo là 3.964.000 đồng.

Sau khi cất giấu số tiền vừa trộm được bị cáo vứt bỏ cái bọc nilon màu đen. Về phía bà Ph, khi nhìn xuống đất kiếm bọc nilon đựng tiền để thối tiền dư lại cho khách thì phát hiện bị mất và nhìn qua bên phải không thấy bị cáo E ngồi bán nên nghi ngờ bị cáo E lấy trộm, sau đó bà Ph có hỏi thì bị cáo không thừa nhận nên bà Ph yêu cầu bị cáo đưa toàn bộ số tiền trên người ra cho bà Ph kiểm tra, trong quá trình kiểm tra thì bà Ph phát hiện trong bọc tiền của bị cáo có một tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng bị rách mất một phần ở dưới chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh giống với tờ tiền của bà Ph bị mất nên bà Ph giữ lại tờ tiền 10.000 đồng trên và trình báo với công an.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Kiên Thị E đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và tự nguyện giao nộp số tiền đã trộm cắp được của bà Ph là 2.868.500 đồng cho cơ quan điều tra tạm giữ.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSTC ngày 04/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, truy tố bị cáo Kiên Thị E về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị hại là chị Kim Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Kiên Thị E từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18

đến 24 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh quản lý trong thời gian bị cáo chấp hành án.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra xử lý xong nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với Kiểm sát viên về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là đúng. Tuy nhiên, vị Trợ giúp viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, 2, Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa gây thiệt hại; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo không biết chữ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính, gia đình thuộc diện hộ nghèo và có địa chỉ rõ ràng để cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Kiên Thị E khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 13/02/2018, tại ấp C xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Kiên Thị E đã có hành vi trộm cắp số tiền 2.878.500đ (*hai triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng*) của bà Kim Thị Ph. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người tiến hành tố tụng, người bào chữa đều hợp pháp.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, vì lòng tham nhất thời, để có được tiền mà không phải lao động vất vả bị cáo đã lén lút lấy đi số tiền 2.878.500 đồng của bị hại. Xét hành vi mà bị cáo thực hiện tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Do đó, cần áp dụng một mức án thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét tình tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây hậu quả; bị cáo không biết chữ nên việc am hiểu pháp luật có phần hạn chế; bị cáo có con còn nhỏ và bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét thấy: Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù không quá 03 năm; bị cáo có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú ổn định và rõ ràng; có khả năng tự cải tạo tại gia đình và địa phương. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, không cần phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo và cũng thể hiện chính sách nhân đạo trong pháp luật hình sự của Nhà nước ta, đồng thời tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa hành vi sai trái, phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu nên không xem xét giải quyết.

[8] Xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét lời bào chữa vị Trợ giúp viên pháp lý về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Kiên Thị E phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Kiên Thị E 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*mười tám tháng*) tính từ ngày tuyên án là ngày 04/6/2018.

- Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách,

nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Duyên

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- UBND xã T;
- Công an xã T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.